

Bản án số: 285/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 10-4-2019

V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:

Ông Lê Thọ Viên

Các Thẩm phán:

Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

Bà Hoàng Thị Bích Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 10/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án thụ lý số 171/2018/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018 về vụ việc “Tranh chấp ly hôn và tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 1234/2018/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1217/2019/QĐ-PT ngày 13 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lý Mỹ L, sinh năm: 1974

Địa chỉ: Lũy Bán Bích, phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Lâm Quang T, sinh năm: 1964

Địa chỉ: chung cư Nhiều Lộc B, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ mới: chung cư Nhiều Lộc B, phường K, quận P, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh).

Địa chỉ liên lạc: Mã Lò, phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Hữu K, sinh năm: 1968

Địa chỉ: chung cư Khang gia Tân Hương, phường Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ngân hàng Thương mại Cổ phần H

Địa chỉ: Chợ Lớn, Phường E, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: Bà Đinh Thị Tuyết M sinh năm: 1985
(Văn bản ủy quyền số 60/2019/EIB/UQ-GĐ ngày 19/03/2019)

Người kháng cáo: Ông Lâm Quang T .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của bà Lý Mỹ L :

Bà và ông Lâm Quang T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1996, có tổ chức đám cưới và đến năm 2003 cả hai cùng nhau đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 144, quyền số 01/2003 ngày 16/6/2003.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại địa chỉ Lũy Bán Bích, phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2016 đến nay. Đôi bên đã ngồi lại tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả nên nay bà yêu cầu Tòa án được ly hôn với ông Tiến.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lâm Lý Mỹ N , sinh ngày 15/3/1996 và Lâm Quang V , sinh ngày 20/9/2000. Con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà L xin tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Vợ chồng nợ của ông Nguyễn Hữu K 215.000.000 đồng. Nợ Ngân hàng H hiện nay còn nợ số tiền 1.369.142.000 đồng. Bà L xin trả dần, không yêu cầu Tòa giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn ông Lâm Quang T trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà L về thời gian sống chung và đăng ký kết hôn giữa hai người là đúng.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, bà L có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng hai năm nay. Đôi bên đã ngồi lại tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả nên nay bà L yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L .

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lâm Lý Mỹ N , sinh ngày 15/3/1996 và Lâm Quang V , sinh ngày 20/9/2000. Các con đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là căn nhà tọa lạc tại số Lũy Bán Bích, phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông yêu cầu chia đôi trị giá căn nhà

Về nợ chung: Vợ chồng nợ của anh Nguyễn Hữu K 215.000.000 đồng. Nợ Ngân hàng H hiện nay còn nợ số tiền 1.369.142.000 đồng. Ông yêu cầu mỗi người trả 50% số nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Nguyễn Hữu K trình bày:

Năm 2015, 2016 ông T và bà L vay của ông tổng cộng 700.000.000 đồng. Tuy nhiên ông T và bà L đã trả dần cho ông, hiện nay còn nợ lại 215.000.000 đồng. Nếu ông T và bà L ly hôn và chia tài sản thì phải trả cho ông số tiền 215.000.000 đồng, không yêu cầu ông T và bà L trả lãi. Ông yêu cầu ông T và bà L phải trả cho ông số nợ này trước khi ly hôn.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần H trình bày:

Bà Lý Mỹ L có vay vốn của Ngân hàng TMCP H theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 2100-LAV-201400678 ngày 27/6/2014 với số tiền vay 1.600.000.000 (một tỉ sáu trăm triệu) đồng, mục đích là thanh toán tiền xây nhà, thời hạn vay 180 tháng.

- Hợp đồng tín dụng số 2100-LAV-201401384 ngày 24/12/2014 với số tiền vay 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 180 tháng.

Bà L đã thế chấp cho Ngân hàng nhà và đất tại địa chỉ Lũy Bán Bích, phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình vay bà L đã trả nợ gốc và lãi đầy đủ đúng các kỳ của Ngân hàng nên Ngân hàng chưa khởi kiện bà L. Đến ngày 16/7/2018 bà L còn nợ Ngân hàng 1.369.142.000 đồng.

Tại bản án số 1234/2018/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Hữu K .

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Mỹ L được ly hôn với ông Lâm Quang T .

- Về quan hệ con chung: Ông T và bà L có 02 con chung là Lâm Lý Mỹ N, sinh ngày 15/3/1996 và Lâm Quang V , sinh ngày 20/9/2000, các con đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Ông T có quyền làm đơn yêu cầu Tòa giải quyết bằng một vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

- Về nợ chung: Ngân hàng H có quyền làm đơn yêu cầu Tòa giải quyết bằng một vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

Bà Lý Mỹ L và ông Lâm Quang T, phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Hữu K số tiền nợ chung là 215.000.000 đồng, mỗi người trả 107.500.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu năm trăm ngàn đồng) làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Bà Lý Mỹ L phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng và án phí trả nợ chung là 5.375.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng do bà L đã nộp theo biên lai thu số 0010891 ngày 04/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận P. Bà L phải nộp tiếp số tiền 5.375.000 đồng.

Ông T phải chịu án phí trả nợ chung là 5.375.000 đồng.

Hoàn lại cho ông K số tiền 5.375.000 đồng theo biên lai thu số 0011974 ngày 12/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự theo luật định.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018 bà ông Lâm Quang T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về tài sản chung, với yêu cầu: Phân chia cho ông $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung là nhà và đất tọa lạc tại số Lũy Bán Bích, phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Lâm Quang T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Bà Lý Mỹ L không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông T, đề nghị y án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lâm Quang T; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Lâm Quang T làm trong hạn luật định nên được chấp nhận.

- Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lâm Quang T có đủ căn cứ để xác định:

Quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 144, quyển số 01/2003 ngày 16/6/2003 của Ủy ban nhân dân phường C, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì quan hệ hôn nhân giữa bà Lý Mỹ L và ông Lâm Quang T là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chấp nhận nhận yêu cầu ly hôn của bà Lý Mỹ L đối với ông Lâm Quang T , phần này đương sự không kháng cáo nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

Về khoản nợ chung: Án sơ thẩm tuyên Bà L và ông Tiến mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Hữu K 107.500.000 đồng, phần này đương sự không kháng cáo nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung: Bà Lý Mỹ L yêu cầu tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết, còn ông T yêu cầu chia đôi tài sản chung là nhà và đất tại địa chỉ Lũy Bán Bích, phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, ông T không nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết mặc dầu đã được Tòa án nhân dân quận P ra văn bản số 305/TB-TA ngày 10/7/2018 về việc yêu cầu ông T nộp đơn yêu cầu giải quyết về tài sản nhưng ông T không thực hiện yêu cầu của mình nên Tòa án cấp sơ thẩm không xét là đúng thủ tục luật định. Do đó việc ông T kháng cáo yêu cầu chia sản chung là không có căn cứ chấp nhận. Ông T có quyền làm đơn yêu cầu Tòa giải quyết bằng một vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm ông Lâm Quang T phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 148, Điều 293, Khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lâm Quang T .

Giữ nguyên bản án sơ thẩm, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Hữu K .

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Mỹ L được ly hôn với ông Lâm Quang T .

- Về con chung: Ông T và bà L có 02 con chung là Lâm Lý Mỹ N , sinh ngày 15/3/1996 và Lâm Quang V , sinh ngày 20/9/2000 đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Ông T có quyền làm đơn yêu cầu Tòa giải quyết bằng một vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

- Về nợ chung: Ngân hàng H có quyền làm đơn yêu cầu Tòa giải quyết bằng một vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

Bà Lý Mỹ L và ông Lâm Quang T , phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Hữu K số tiền nợ chung là 215.000.000 đồng, mỗi người trả 107.500.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu năm trăm ngàn đồng) làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi ông K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà L và ông T chưa trả số tiền nêu trên cho người được thi hành án, thì hàng tháng ông Tiến và bà Lan còn phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất vay quá hạn do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Bà Lý Mỹ L phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 5.375.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng do bà L đã nộp theo biên lai thu số 0010891 ngày 04/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L còn phải nộp tiếp số tiền 5.375.000 đồng.

Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.375.000 đồng.

Hoàn lại cho ông K số tiền 5.375.000 đồng theo Biên lai thu số 0011974 ngày 12/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng ông Lâm Quang T chịu được trừ vào Biên lai thu số 0012055 ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Tòa án nhân dân quận P;
- Chi Cục THADS quận P;
- UBND Phường C, quận P, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thọ Viên